



Chấn thương cá nhân và chấn thương dân tộc trong thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975

Personal and national trauma in the poetry of the Southern urban movement, 1954 - 1975

Phạm Khánh Duy^{a*}, Văn Hoàng Thái^a
Pham Khanh Duy^{a*}, Van Hoang Thai^a

^aKhoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ

^aSchool of Politics Science, Social and Humanities, Can Tho University

(Ngày nhận bài: 19/03/2025, ngày phản biện xong: 11/07/2025, ngày chấp nhận đăng: 22/07/2025)

Tóm tắt

Bài báo này nghiên cứu biểu hiện của chấn thương cá nhân và chấn thương dân tộc trong thơ ca của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975. Trong bối cảnh chiến tranh và biến động xã hội, thơ ca không chỉ phản ánh những tổn thương cá nhân từ bạo lực, mất mát và tha hương mà còn khắc họa nỗi đau tập thể của một dân tộc bị chia cắt. Bằng cách tiếp cận liên ngành giữa nghiên cứu văn học, tâm lý học chấn thương và lịch sử, bài báo làm rõ những vấn đề chấn thương trong thơ và cách các nhà thơ đô thị miền Nam chuyển hóa ký ức đau thương thành một diễn ngôn nghệ thuật mang ý nghĩa phản kháng, phản tư và khao khát hòa bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy thơ ca đô thị miền Nam không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn là tư liệu quan trọng giúp hiểu rõ hơn về tác động dài lâu của chiến tranh đối với cá nhân và cộng đồng dân tộc. Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như thống kê - phân loại, phân tích - tổng hợp để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: chấn thương cá nhân; chấn thương dân tộc; thơ ca đô thị miền Nam; chiến tranh; ký ức tập thể.

Abstract

This paper examines the manifestations of personal and national trauma in the poetry of the urban movement in South Vietnam from 1954 to 1975. In the context of war and social upheaval, poetry not only reflects individual suffering caused by violence, loss, and exile but also portrays the collective pain of a divided nation. By adopting an interdisciplinary approach that integrates literary studies, trauma psychology, and history, the paper explores the ways in which trauma is expressed in poetry and how urban poets transform painful memories into an artistic discourse of resistance, reflection, and a longing for peace. The findings indicate that urban South Vietnamese poetry holds not only aesthetic value but also serves as a crucial source for understanding the long-term impacts of war on individuals and the collective national psyche.

Keywords: personal trauma; national trauma; urban South Vietnamese poetry; war; collective memory.

1. Giới thiệu

Lý thuyết chấn thương ra đời vào những năm 90 của thế kỷ XX tại Hoa Kỳ, gắn liền với những biến động dữ dội trong lịch sử nhân loại. Những

cuộc bạo động, bạo hành, biểu tình, xung đột sắc tộc, nạn buôn người, chiến tranh, nội chiến... khiến cho mối quan hệ giữa người với người, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa quốc gia

*Tác giả liên hệ: Phạm Khánh Duy

Email: pkduy@ctu.edu.vn

này với quốc gia khác ngày càng trở nên căng thẳng, xung đột, chia rẽ. Hậu quả mà nó để lại thật kinh khủng, chẳng những làm xáo trộn trật tự xã hội, đập tan bầu không khí hòa bình của đất nước, phá vỡ giấc mộng của con người về một thế giới an toàn; mà còn hằn lên thân phận cá nhân và dân tộc những vết thương. Từ những rung động của lịch sử, mảng văn học chấn thương đã được hình thành, song hành cùng tiến trình phát triển của dân tộc. Viết văn là cách để con người thổ lộ những ký ức chấn thương của chính mình và dân tộc. Đó cũng là hành trình để con người tự chữa lành, xoa dịu những vết thương, hòa nhập vào cuộc sống mới.

Bên cạnh mục đích tranh đấu và ý thức tìm về dân tộc, thơ ca yêu nước ở đô thị miền Nam 1954 - 1975 còn khắc họa sâu sắc những chấn thương của con người. Đó là nỗi đau từ sự chia cắt đất nước, mất mát người thân, sự tan vỡ những giá trị truyền thống, để lại những vết sẹo khó phai mờ. Phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 là một phong trào đấu tranh sôi nổi, hào hùng của nhân dân khắp các đô thị miền Nam nhằm chống lại chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ xâm lược, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam. Theo làn sóng “đẩy mà đi”, “áo trắng xuống đường”... hàng nghìn học sinh, sinh viên, các nhà tiểu thương, tiểu chủ, tư sản dân tộc... hăng hái hòa nhịp cùng cuộc kháng chiến chống Mỹ và cứu nước. Âm hưởng của cuộc đấu tranh đánh Mỹ chẳng những vang xa trong đời sống đô thị mà còn vọng sâu vào văn chương nghệ thuật, đáng nói đến là thơ yêu nước ở miền Nam.

Dòng thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 không chỉ là tiếng nói cổ vũ nhiệt thành các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đứng lên đánh Mỹ, mà còn là lời tự thú những chấn thương cá nhân và chấn thương dân tộc trong những năm đế quốc Mỹ thực thi chính sách thực dân mới. Bài báo sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu như cấu trúc - hệ thống, thi

pháp học, liên ngành, so sánh để phát hiện và luận giải những vấn đề thuộc về chấn thương cá nhân và chấn thương dân tộc trong dòng thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975. Từ đó, bài báo đi đến khẳng định giá trị và vai trò của thơ ca yêu nước nói riêng, văn học yêu nước ở đô thị miền Nam nói chung trong sự phát triển của văn học hiện đại Việt Nam nửa sau thế kỷ XX.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài báo Chấn thương cá nhân và chấn thương dân tộc trong thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975, chúng tôi vận dụng kết hợp những phương pháp nghiên cứu như sau:

- *Phương pháp thống kê - phân loại*: thống kê thơ ca của phong trào đô thị miền Nam trước 1975, sau đó phân loại ra theo từng tiêu chí, đầu là chấn thương cá nhân, đầu là chấn thương dân tộc.

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp*: chúng tôi sử dụng phương pháp này để phân tích biểu hiện của chấn thương trong thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975; từ đây, chúng tôi rút ra những kết luận có giá trị.

- *Phương pháp loại hình*: chúng tôi sử dụng phương pháp này để phân loại các biểu hiện của chấn thương trong dòng thơ yêu nước ở đô thị miền Nam; xác định những điểm chung về nội dung, nghệ thuật của thơ ca yêu nước; đồng thời kết nối thơ ca yêu nước với bối cảnh lịch sử, xã hội cụ thể của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 để thấy được sự tác động của thời cuộc đến sự hình thành và phát triển của thơ.

Hai phương pháp trên được chúng tôi kết hợp chặt chẽ trong quá trình nghiên cứu thơ ca yêu nước ở đô thị miền Nam 1954 - 1975 từ góc nhìn lý thuyết chấn thương.

3. Kết quả nghiên cứu

Văn học yêu nước là một “cành nhánh” của văn chương nghệ thuật ở đô thị miền Nam trước

1975. Bên cạnh truyện ngắn, dòng thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 phát triển mạnh mẽ, rầm rộ, thu hút nhiều gương mặt xuất sắc như: Đoàn Văn Long, Trần Quang Long, Phan Duy Nhân, Trần Vàng Sao, Lê Gành, Ngô Kha, Lê Văn Ngăn, Trần Phá Nhạc, Trần Duy Phiên, Tần Hoài Dạ Vũ, Đông Trinh,... Trong tuyển tập thơ văn yêu nước *Viết trên đường tranh đấu* (Nhà xuất bản Thuận Hóa ấn hành) mà chúng tôi lựa chọn khảo sát, trong số 26 cây bút, đã có 20 tác giả sáng tác thơ, chiếm 77% tổng số các cây bút trong phong trào đô thị Huế 1954 - 1975. Nhiều người trong số đó vừa tham gia các hoạt động chính trị, vừa sáng tác văn chương. Trong không khí sôi động của phong trào đô thị, trong làn sóng “Dậy lên rồi! Thành phố dậy mà đi!” (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm), các tác giả dũng cảm sáng tác, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách, bằng tất cả trách nhiệm của một người công dân trẻ tuổi, thể hệ “đầu tàu” gánh vác non sông.

“Cuộc chiến tranh kéo dài, ác liệt là điểm nhấn tàn bạo, đau xót nhất trên bức tranh chung của văn hóa miền Nam suốt hai mươi năm. Xét về số lượng vũ khí đã sử dụng; số người chết, người bị thương vì súng đạn, bom mìn; số nhà cửa, tài sản bị tàn phá,... đều cho thấy rằng đây là cuộc chiến quy mô và nghiêm trọng nhất kể từ sau Thế chiến thứ hai. Nó trở thành vấn đề thời sự, nỗi lo lắng thường trực của cả dân tộc, của thời đại” [1; tr.9]. Đó là nguyên nhân dẫn đến những chấn thương khủng khiếp, trước hết là của mỗi cá nhân, sau đó là của văn hóa, sinh thái, lịch sử - những chấn thương dân tộc. Tồn tại “ngầm” trong lòng đô thị miền Nam, thách thức cả chế độ kiểm duyệt khắc nghiệt của chính quyền Sài Gòn, dòng thơ của phong trào đô thị miền Nam (đặc biệt là đô thị Huế - “lò lửa” của cuộc tranh đấu) vẫn phát triển với tốc độ nhanh chóng. Các tác giả đã nhìn thẳng vào những chấn thương sâu sắc của con người và dân tộc. Thay vì chỉ đơn thuần là tiếng nói tố cáo, thơ ca của

họ đã thể hiện sự dũng cảm trong việc khám phá những vết sẹo (đặc biệt là vết sẹo tâm hồn), từ nỗi đau cá nhân, sự giằng xé của một thể hệ, đến bi kịch chung của cả dân tộc Việt Nam. Từ đó, thơ ca yêu nước nói riêng, văn học đô thị miền Nam nói chung vạch trần bộ mặt tàn bạo của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã đẩy nhân dân miền Nam vào thảm cảnh.

3.1. Khái niệm “chấn thương”

Chấn thương (*Trauma*) là thuật ngữ có mặt trong nhiều lĩnh vực như thể thao, y học, tâm lý học, xã hội học, văn học,... Trong công trình *Unclaimed experience: trauma, narrative, history* (Kinh nghiệm không được khẳng định: Chấn thương và những khả năng của lịch sử), nhà nghiên cứu Cathy Caruth - một trong những đại diện xuất sắc của lý thuyết phê bình chấn thương - đã nêu khái quát tinh thần của chấn thương như sau: “Chấn thương mô tả một kinh nghiệm choáng ngợp về những sự kiện đột ngột hay thảm họa mà phản ứng đối với sự kiện đó thường xuất hiện dưới dạng ảo giác và các hiện tượng mang tính chất xâm nhập thường bị trì hoãn và tái diễn một cách không kiểm soát”, hay “một chuỗi sự kiện khổ đau mà con người bị phụ thuộc vào và điều hoàn toàn nằm bên ngoài mong muốn và khả năng kiểm soát của người ta” [2; tr.10]. Quả thế, không ai mong muốn mang trên mình những vết sẹo (chấn thương thân thể), bởi để chữa lành chúng, con người phải mất nhiều năm tháng. Thậm chí, có cả những vết thương đi theo con người suốt cả cuộc đời, những vết thương không bao giờ lành lặn, chúng để lại di chứng, ám ảnh tâm lý con người. Chấn thương tâm lý không có hình thù nhất định, nó được biểu hiện thông qua những ký ức đau thương nằm sâu trong vô thức của mỗi người. Ngoài thuật ngữ chấn thương (*trauma*), Cathy Caruth còn đề cập đến kinh nghiệm chấn thương (*experience trauma*) như “một thứ kinh nghiệm đến muộn, nó hoàn toàn không phải là sự kể lại việc thoát ly một hiện thực - chạy trốn cái chết,

hay áp lực của tính quy chiếu của chấn thương, mà đúng hơn, nó là sự chứng nhận cho cái tác động vô hạn của chấn thương lên một cuộc đời” [3]. Sự khủng khiếp của chấn thương không chỉ nằm ở chỗ vết thương ấy sâu bao nhiêu, đau đớn đến mức độ nào, mà là “cái tác động vô hạn của chấn thương” mà lịch sử đã đóng dấu lên mỗi phần đời, lên tập thể.

Thực chất, ban đầu nội hàm của chấn thương chỉ xoay quanh các vết thương trên thân thể. Thế nhưng, trong cuốn *Beyond the pleasure principle* (Ngoài nguyên tắc niềm vui), Sigmund Freud nêu ra khái niệm vết thương tinh thần với đặc tính khó có thể chữa lành, hàn gắn. Trong bài phát biểu của mình, Kren L. Thornber gián tiếp dẫn lại quan điểm của Cathy Caruth về chấn thương tinh thần, cụ thể như sau: “Bà coi chấn thương như một vết thương cho tâm trí. Bà cho rằng chấn thương không được thể hiện ra trong tâm thức, trừ khi nó áp đặt chính nó trở lại liên tục qua những ác mộng, qua những hành động lặp đi lặp lại của những người sống sót” [4; tr.152]. Cá nhân có thể đồng thời mang cả hai vết thương, gọi là “vết thương kép”. Những người bị ném vào guồng quay của chiến tranh, của những rung động làm xoay chuyển thế giới càng có khả năng mang những “vết thương kép”, bởi họ vừa bị tổn thương về mặt thể xác, vừa mang những ám ảnh kinh hoàng trong tâm hồn. Điểm gặp gỡ của lý thuyết chấn thương, văn học chấn thương và phê bình văn học chấn thương là sự hiện diện của những vết thương (đặc biệt là “vết thương kép”). Khi lý thuyết chấn thương ra đời, thuật ngữ văn học chấn thương mới ra đời và phát triển đến tận ngày hôm nay. Vết thương của con người trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử, đặc biệt là chiến tranh, đã hiện hữu sống động, đau đớn, xót xa trong các tác phẩm văn chương. Nghiên cứu về chấn thương trong văn học là truy tìm cội nguồn và bản chất của vết thương.

3.2. *Thơ yêu nước ở thành thị miền Nam 1954 - 1975 nhìn từ chấn thương cá nhân*

“Câu chuyện về chấn thương là tự sự của một trải nghiệm muộn màng hơn, nó không kể về một sự thoát ly, trốn chạy khỏi một thực tế (chẳng hạn trốn chạy khỏi một cái chết) mà nó thể hiện tác động không ngừng đối với cuộc sống những người sống sót lại” [3; tr.125]. Luận bàn về chấn thương, quan niệm trên của Cathy Caruth có điểm khác biệt so với quan niệm của Sigmund Freud: chấn thương gắn liền với hành động rời đi và khước từ lịch sử. Trong kiến giải của mình, Cathy Caruth đã dùng cụm từ “ký ức chấn thương” (trauma memories), “kinh nghiệm chấn thương” (trauma experience) gắn với những nỗi đau mà cá nhân hoặc tập thể hứng chịu trong quá khứ do sự tác động của nhiều nguyên nhân. Chiến tranh là một trong những nguyên nhân đáng nói.

Chiến tranh là một vết sẹo hằn sâu trong lịch sử nhân loại. Những hậu quả mà nó để lại nghiêm trọng, phức tạp, không chỉ dừng lại ở những mất mát, hy sinh về vật chất hay sinh mạng tức thời, mà còn là di chứng dai dẳng, phức tạp, ám ảnh nhiều thế hệ sau này. Nhìn lại giai đoạn 1954 - 1975, khi đất nước chìm trong khói lửa, các cây bút trong phong trào đấu tranh đô thị đã tái hiện một cách chân thực và đầy ám ảnh bi kịch của con người cá nhân khi bị cuốn vào vòng xoáy nghiệt ngã của lịch sử. Trước hết, đó là những người chiến sĩ cách mạng tràn đầy nhiệt huyết, một lòng trung trinh với Tổ quốc. Họ không may bị bắt bớ, tù đày, bị tra tấn dã man trong các phòng thẩm vấn của chính quyền Sài Gòn. Vết thương của người chiến sĩ cách mạng đã được lột tả qua nhiều hình dạng, mức độ khác nhau.

“Vẫn còn nguyên trong những trại giam

Cùm xích trên tay, roi vút ngang lưng

Ôi anh em ta bầm gan tím ruột

Ngóng giữa đêm sâu mùa đông tin rừng”

(*Giọt lệ mừng*, Đôi Diên, 1973)

Những dòng thơ của Đông Trình thoát thai từ “ký ức chấn thương”. Nói cách khác, đó là “chấn thương nguyên ủy” (chấn thương gốc) của Đông Trình trong những năm tham gia hoạt động cách mạng, được nhà thơ tái hiện vừa vận chỉ qua ba hình ảnh: “cùm xích”, “roi vút”, “bầm gan tím ruột”, nhưng đầy sức gợi. Cảnh gông cùm, tù đầy cũng hiện dưới ngòi bút Tần Hoài Dạ Vũ:

“Ngày hai đưa vào tù vì bãi khóa
Ma trắc giáng trên đầu
đói là
thân đau
Anh hét qua chấn song
lòng tôi ứa máu
Rồi đắm vào tường cát tiếng hát vang”

(*Gửi một người bạn xưa*, Đối Diện, 1972)

Hai trường hợp trên cùng là những chấn thương của người chiến sĩ cách mạng dưới những hình thức tra tấn man rợ của đế quốc Mỹ và tay sai. Thế nhưng, không giống như người chiến sĩ cách mạng trong thơ Đông Trình, đau đớn tột cùng vẫn giữ phẩm chất thủy chung với cách mạng; những ám ảnh chấn thương đã biến nhân vật trữ tình “anh” trong *Gửi một người bạn xưa* của Tần Hoài Dạ Vũ trở thành một con người bất lương, lầm đường lạc lối, là kẻ thù của dân tộc: “Nên bây giờ anh sống giàu sang/ Bên những hàng kẽm gai, những người lính gác/ Trên xương máu đồng bào, quên nghĩa bà con/ Dẫm lên những gì xưa kia anh từng bênh vực”. Đáng sau nỗi đau, xót xa, uất hận, mỗi người sẽ có những cách xử lý “ký ức chấn thương” không giống nhau.

Không riêng người chiến sĩ cách mạng, những vết thương của nhân dân nói chung hiện ra với những hình thái khác nhau trong thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975. Nó phản ánh tội ác của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và bản chất mưu mô, xảo quyệt của kẻ thù xâm lược đứng sau. Trong bài diễn thuyết

về chấn thương của Karen L. Thornber, có đoạn: “Vậy chúng ta phải đặt câu hỏi thế thì chấn thương có phải là một cuộc gặp gỡ với cái chết hay không, hay nó là một trải nghiệm vẫn tiếp diễn của thực tế người ta đã sống sót khỏi cái chết. Ở đây chúng ta có một cuộc khủng hoảng về cái chết và một cuộc khủng hoảng về cuộc sống” [4; tr.126]. “Cái chết” là một thuật ngữ quan trọng trong lý thuyết chấn thương. Đó chính là một cuộc khủng hoảng, một dạng thức của chấn thương, nói đúng hơn là đỉnh điểm của chấn thương. Tuy nhiên, “cái chết” chưa hẳn đã là kinh khủng nhất, mà sự sống tiếp diễn sau khi con người quẫy đạp ra khỏi cái chết mới thực sự tồi tệ. Bởi họ không mất mát về thể xác nhưng lại vỡ vụn trong tâm hồn, hoảng loạn trong tinh thần, chao đảo giữa một hiện thực đầy biến động. Từng gương mặt, từng dáng hình, những kiểu chấn thương, những cái chết xót xa của con người được tự sự bởi các cây bút trẻ tuổi sống và hoạt động sôi nổi ở đô thành Huế những năm tháng khói lửa. Những em bé - mầm xanh của đất nước, vừa nhận diện cuộc đời, đã phải hứng chịu cái chết bi phẫn, xót xa:

“Một tiếng súng vụt nổ
Thằng bé con gục xuống
Ồ, mày bắn số dách
Bao Salem? Ô-kê!”

(*Hoạt cảnh*, Trần Quang Long)

Với quân xâm lược, hành động hủy diệt sự sống trẻ con trở thành một thú vui, một trò chơi đòi lấy phần thưởng (“Bao Salem”) cho người thắng cuộc. Chúng “Bắn xối xả vào trẻ thơ đang ngậm vú mẹ” (*Mỹ Lai - máu, nước mắt và niềm uất hận*, Nguyễn Văn Phụng, Văn Nghệ Giải Phóng), hả hê trên máu của trẻ thơ và nước mắt của những người còn sống. Khi con người coi việc sát hại những sinh linh vô tội là một trò tiêu khiển, một “chiến tích”, đó chính là dấu hiệu của sự sụp đổ hoàn toàn về đạo đức và nhân phẩm.

Với những chàng trai, cô gái, tuy mới vừa giác ngộ ý thức cách mạng hoặc đang hoạt động chính trị dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản, song họ lại là những người mang trên mình “kinh nghiệm chấn thương” (trauma experience) sâu sắc:

“Lũ chúng bạo hành em

Lưỡi lê gờm đầu súng

Mẹ rên xiết kêu gào

Máu trào lên uất hận

Con tôi, tội nghiệp con tôi

Hai ơi, con đã đi rồi

Vườn hoang cỏ rậm mẹ ngồi khóc con”

(*Thư Phủ ơ lòng ta hồng biển lửa*,
Võ Quê, “Tiếng gọi Việt Nam”, 1970)

“Người ta bắn ba phát súng

Phát thứ nhất đẩy em lui sau

Phát thứ hai làm em đứng thẳng

(Máu đã bắt đầu nhỏ giọt từ ngực em)

Phát thứ ba em ngã xuống

Trên vũng máu tươi”

(*Mỹ Lai - máu, nước mắt và niềm uất hận*,
Nguyễn Văn Phụng, “Văn Nghệ Giải Phóng”,
1974)

Ở hai đoạn thơ trên, mặc dù cả Võ Quê và Nguyễn Văn Phụng đều chọn lối vắt dòng đột ngột, thế nhưng giữa các dòng thơ trong đoạn lại liên kết với nhau thành một dòng mạch. Nhịp thơ vồ vập, sôi trào, tạo thành khúc bi ca về những người chiến sĩ kiên trung, gan dạ đã hy sinh tức tưởi dưới tay kẻ thù. “Máu” trở đi trở lại với nhiều sắc độ: “máu trào”, “máu đã bắt đầu nhỏ giọt”, “máu tươi”... là một ẩn dụ chân thực và xót xa cho nỗi đau và cái chết.

Với những trường hợp trên, đỉnh điểm của chấn thương là cái chết; còn với những người mẹ chứng kiến cái chết của con cái và đồng bào, chấn thương là “một cuộc khủng hoảng về cuộc sống” [3; tr.126]. “Nó nói đến bản chất không thể chịu đựng nổi của một sự kiện và cũng nói

đến một bản chất không thể chịu đựng nổi của sự sống sót (kiểu sống cũng khổ mà chết cũng khổ, hay sống dở chết dở)” [4; tr.126]. Hình ảnh những người mẹ mang trong mình chấn thương kinh khủng về mặt tâm lý hiện lên đầy ám ảnh trong thơ Trần Quang Long, qua hành động vô thức, gần như là điên dại khi mất con:

“Con nghe tiếng kêu la của bà mẹ đi tìm

Quờ quạng xác con trong căn nhà gạch vụn

Oanh tạc vùng tình nghi”

(*Thư mẹ trái tim*, Trình Bầy, 1966)

Người mẹ già hoảng loạn, mất phương hướng trong khung cảnh xáo trộn, đầy chết chóc, tang thương:

“Ôi những mẹ già léch thếch bông con

Chạy đi đâu! Lựu đạn cay chúng ném đầy đường

Và chó béc giê thịt rơi từng mảnh!”

(*Thư gửi Carmichael*, Trần Quang Long,
Trình Bầy, 1966)

Những hung tin liên tục dội về khiến người mẹ không thể nào tròn giấc, luôn trong trạng thái lo lắng, trăn trở, bất an:

“Nghe chiến trường anh em đang đổ

nhiều máu

Và nước mắt cũng rưới thật đều ở hậu phương

Dưới túp lều tranh người mẹ xanh xao đón

gió nồm”

(*Cho những người nằm xuống*, Ngô Kha,
Đổi Điện, 1972)

Những người mẹ có con đi chiến đấu (thậm chí là bị giam cầm, đầy đọa, hy sinh dưới tay kẻ thù) hoặc chứng kiến cảnh tượng quê hương chìm trong khói lửa điêu tàn mang một nỗi đau tinh thần dai dẳng, triền miên. Chỉ qua vài chi tiết phác thảo, phần lớn là những chi tiết gợi tả ngoại hình (“người mẹ xanh xao”); cử chỉ, hành động, dáng vẻ (“quờ quạng”, “léch thếch”), ngòi bút của các tác giả Trần Quang Long, Ngô Kha đã đi sâu vào nội tâm của người mẹ để nhận ra

“diện mạo” của vết thương tâm hồn. Điểm nhìn trần thuật của các tác giả di chuyển liên tục từ ngoài vào trong để lột tả rõ ràng hình tượng người mẹ trong chiến tranh. Từ những vết thương, cả thể xác lẫn tâm hồn, của người mẹ, các tác giả vừa phản ánh tội ác của chính quyền Sài Gòn và quân xâm lược Mỹ đã đẩy nhân dân miền Nam vào thảm họa chiến tranh, vừa tái hiện thân phận bi đát và ngời ca những phẩm chất đáng trân trọng, tấm lòng cao thượng của những người mẹ Việt Nam trong hoàn cảnh đầy thử thách.

Thơ ca yêu nước của các tác giả trong phong trào đấu tranh ở đô thị miền Nam 1954 - 1975 là khúc ca về nỗi đau thân phận con người cá nhân với những chấn thương dữ dội trong giai đoạn biến động của lịch sử dân tộc. Ở đó, “vết thương kép” (chữ dùng của Cathy Caruth) đã lên tiếng, nói thay cho con người tình cảnh xót xa, bị thương mà họ phải chịu đựng trong thời kỳ đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai. Nhìn rất thẳng vào hiện thực căng thẳng, máu lửa của miền Nam những năm 1954 - 1975, các tác giả đã khơi sâu nỗi đau mà người chiến sĩ cách mạng và nhân dân miền Nam phải hứng chịu. Tiếp cận từ góc độ nào đi nữa, ta cũng thấy cái giá rất đắt của hòa bình. Nó được đánh đổi bằng máu xương, những chấn thương thể xác và chấn thương tinh thần dai dẳng, triền miên của nhân dân.

3.3. Thơ yêu nước ở thành thị miền Nam 1954 - 1975 nhìn từ chấn thương dân tộc

Chiến tranh không chỉ hằn lên số phận cá nhân mỗi người những vết thương, mà còn “đóng dấu” vào lịch sử, gây ra các cuộc khủng hoảng trên tiến trình phát triển của dân tộc. So với chấn thương cá nhân, chấn thương dân tộc có phần rộng hơn. Chữ “di căn/di dời” trong lý thuyết phê bình chấn thương nhằm hướng đến sự dịch chuyển của chấn thương, từ cá nhân đến tập thể, từ thân thể đến tinh thần, từ con người đến lịch sử, văn hóa, dân tộc... Thông qua hiện tượng “di căn” đó, ta thấy được mức độ ảnh hưởng của chấn thương, không chỉ trong một

thời gian ngắn mà kéo dài trong tiến trình phát triển của dân tộc hoặc trong mỗi phân đời suốt những năm tháng về sau.

Nhìn từ lý thuyết chấn thương, thơ của các cây bút trong phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 chẳng những phản ánh tình trạng chấn thương từng thân phận con người trong hoàn cảnh lịch sử đầy biến động, mà còn là những chấn thương dân tộc, ở mức phổ quát hơn. Chấn thương cá nhân gây ra những nỗi đau cho con người, họ tự gánh lấy và tự chữa lành chính mình; trong khi đó, chấn thương dân tộc ảnh hưởng sâu sắc đến lịch sử, cội nguồn văn hóa, căn tính Việt... Sự xâm nhập của lính Mỹ cùng với các trào lưu văn hóa mới, đã tác động không nhỏ đến các giá trị truyền thống của người Việt. Nguyễn Thị Thu Trang (2015) viết: “Âm mưu biến miền Nam thành vùng thuộc địa kiểu mới, người Mỹ đã gián tiếp và sau đó trực tiếp can thiệp vào Việt Nam từ 1954. Người Mỹ, văn hóa Mỹ và tư tưởng hiện đại phương Tây trực tiếp xâm nhập vào miền Nam, làm nên những đổi thay, xáo trộn nghiêm trọng trong đời sống con người cả về vật chất lẫn tinh thần. Sự xáo trộn ấy càng cực đoan và khốc liệt hơn vì có sự tác động của điều kiện chiến tranh” [1; tr.9].

Khi chiến tranh xảy ra, đặc biệt là từ sau năm 1963, Mỹ đổ hơn nửa triệu lính viễn chinh vào miền Nam nước ta, một lần nữa, lịch sử dân tộc bị chấn thương trầm trọng, kéo theo đó là chấn thương văn hóa. Về khía cạnh lịch sử, sự hiện diện của quân đội nước ngoài cùng với những chính sách quân sự, kinh tế, xã hội đã tạo ra một môi trường đầy biến động và áp lực. Các đô thị miền Nam trở thành trung tâm của sự đối đầu ý thức hệ, nơi mà những giá trị truyền thống bị thách thức bởi lối sống tiêu thụ và văn hóa ngoại lai. Về khía cạnh văn hóa, sự “chấn thương” không chỉ là sự phá hủy mà còn là sự biến dạng, lai căng những giá trị bản địa. Sự du nhập ồ ạt của văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa Mỹ, đã tạo ra không gian văn hóa phức tạp. Thơ đô

thị trong giai đoạn này không chỉ là tiếng lòng của cá nhân mà còn là tiếng vang của những chấn động lịch sử, phản ánh sự giằng xé giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và ảnh hưởng ngoại lai. Trong đó, đô thị Huế như một sinh thể có linh hồn, đầy thương tích, quần quai đón đầu trong thơ Trần Quang Long:

“Huế của tôi thay hình đổi dạng
Bởi trong tôi đã khác xưa rồi
Dòng Hương, không phải, đây dòng máu
Núi Ngự xương người chắt ngát phơi”

(Huế ơi, Văn nghệ Giải phóng, 1975)

Chiến tranh khiến cho cảnh sắc thiên nhiên đất nước thay đổi, nói cách khác, đó là biểu hiện của chấn thương sinh thái. Xứ Huế vốn thơ mộng, hữu tình, đã điều tàn trong thơ Trần Quang Long. Dòng sông Hương và núi Ngự Bình - những biểu tượng của đất cố đô, đã nhuốm màu tang thương, chết chóc. Dòng sông Hương trở thành “dòng máu”, “xương người” chắt đầy núi Ngự Bình. Phóng đại được sử dụng như một thủ pháp nghệ thuật để lột tả hình ảnh mất mát, tang thương của thành phố Huế - một trong những trung tâm tranh đấu sôi nổi, quyết liệt của miền Nam.

Quân xâm lược và chính quyền tay sai đã gây ra cuộc khủng hoảng kéo dài hai mươi năm ở miền Nam. Trong cơn lốc của lịch sử, bao thế hệ người Việt Nam thời điểm đó như mang vết thương chung, nỗi đau chung:

“Ta đã thức bảy ngàn đêm hủy hoại
Bảy ngàn đêm người chẳng nhận ra người
Bảy ngàn đêm mong đợi một ban ngày
Đang đến, hoặc không bao giờ đến nữa
Đồng bào ơi, biết bao giờ được thờ
Được cùng nhau vui xã hội công bằng
Được nhìn nhau không hổ thẹn trong lòng
Khi quê mẹ biết già ai dầm nát”

(*Thư gửi các bạn sinh viên*, Phan Duy Nhân, “Tiếng hát những người đi tới”, 1967)

Trước tình cảnh miền Nam đau thương, Phan Duy Nhân nhận ra “Cả giống nòi ta rên xiết từng giờ/ Oan ngút núi, oán đầy sông chẳng hết” (*Thư gửi các bạn sinh viên*). Từ chấn thương cá nhân, nhà thơ mở rộng ra thành chấn thương nòi giống; từ lòng căm thù cá nhân, nhà thơ nâng lên thành lòng căm thù của cả dân tộc. Căm thù chính là cách để dân tộc xoa dịu nỗi đau vết thương tạm thời, là “lực nén” để cả miền Nam đứng lên đấu tranh với nhiều hình thức khác nhau, chống lại kẻ thù xâm lăng và chính quyền Sài Gòn, chữa lành những chấn thương của giống nòi, dân tộc.

Trong bài thơ *Cho những người nằm xuống*, chấn thương dân tộc được Ngô Kha phản ánh bằng những hình ảnh đầy ám ảnh. Đó là “máu me còn tanh tươi”, “tiếng mõ cầu kinh” những người đã khuất trong đêm, “thây ba triệu anh em khuất hết cả núi đồi”, “máu chảy từng giờ”, những chiến sĩ một lòng trung trinh với Tổ quốc “vẫn ngồi trong ngục tối cùm gông”... và nhiều hơn nữa. Câu thơ “Kinh nhật tụng từng giờ đã chép hết đau thương” gợi nhắc đến câu văn biền ngẫu của Nguyễn Trãi trong bài hịch tố cáo tội ác của giặc Minh xâm lăng Đại Việt vào thế kỷ XIV, XV: “Độc ác thay, trúc Nam không ghi hết tội/ Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi” (*Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi). Lời thơ của Ngô Kha không chỉ là sự phản ánh chân thực tình cảnh của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975, mà còn là lời tố cáo, vạch trần âm mưu thâm độc và hành động tàn nhẫn, vô nhân tính của quân xâm lược Mỹ.

Chấn thương văn hóa - vấn đề không quá xa lạ trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Nam trước năm 1975. Bởi lẽ, văn hóa là một trong những đối tượng mà Mỹ nhắm tới khi đặt chế độ “thực dân mới” ở miền Nam. “Những chiến lược chống Cộng và tuyên truyền cho văn hóa Mỹ được áp dụng dưới nhiều hình thức khác nhau, ví dụ tài trợ cho một số báo, tạp chí tiếng Việt để họ phát ngôn theo ý đồ của Mỹ; cho nhập sang miền Nam các loại sách báo, văn hóa phẩm

từ Mỹ...” [1; tr.5]. Cuộc va chạm văn hóa Việt - Mỹ những năm 1954, 1975 không đi đến đan xen và hợp nhất như trường hợp “thụ phấn văn hóa” Việt - Pháp nửa đầu thế kỷ XX. Nó dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng là sự tổn thất, biến chất, thậm chí là đánh mất các giá trị truyền thống. Trong bài thơ *Mỹ Lai - máu, nước mắt và niềm uất hận*, Nguyễn Văn Phụng viết:

“Chúng bắn vào quê hương ta
Chiến tranh mang hàng tấn bom và
lòng tham vọng

Đổ xuống cây mạ non

Đổ xuống căn nhà lá

con đường đất

những mảnh sắt

Ngàn đời không ai hiểu nổi

Nền văn minh kỳ dị của thời đại chúng ta”

(*Mỹ Lai - máu, nước mắt và niềm uất hận*,
Văn nghệ Giải phóng, 1974)

“Cây mạ non”, “căn nhà lá”, “con đường đất” trong những câu thơ trên, hay “chợ xưa” trong đoạn thơ “Chợ xưa không còn nữa/ Nền đắp bị san bằng/ Cửa thành đóng kín/ Cỏ lấp đường, bùn lấp bến/ Nước sông buồn cầu đục, ngán ngao chưa!/ Chì đồ tể tái/ Tự nhủ lòng còn lắm tình lừa” trong bài thơ *Bến đò Kẽ Vạn* (*Tập văn Ngày Mai*) Đoàn Văn Long là những ký hiệu văn hóa. Văn minh lúa nước (“cây mạ non”); nếp sống, nếp sinh hoạt quen thuộc của người miền Nam (“căn nhà lá”, “con đường đất”, “chợ xưa”) đã bị đảo lộn. Trần Vàng Sao - người bước chân vào vùng văn chương đô thị miền Nam từ năm 1965, sáng tác bên bờ biển cho đến ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất. Trong bài thơ *Khởi hành* của “Một người yêu nước mình”, vấn đề xâm lăng văn hóa bằng việc truyền tải những tư tưởng, thông điệp đòi truy, những khẩu hiệu vốn xuất phát từ luận điệu xảo trá của Mỹ, đã được Trần Vàng Sao ghi lại bằng niềm căm phẫn tột cùng:

“Chúng vỗ tay ca hát đồng loại ôi muôn năm

Khẩu hiệu truyền đơn ôi đồng loại muôn năm”

(*Khởi hành*, Nhận Thức, 1964)

Bùi Thanh Thảo (2013) cho rằng: “Trong hoàn cảnh bị lệ thuộc, khi con người nhận thức được sự thay đổi của đời sống xã hội - văn hóa xung quanh và nhận thức được sự thay đổi của chính mình như là một ‘cái khác’ (‘otherness’, một thuật ngữ của lý thuyết hậu thực dân), khác với chính mình trước đây, thì việc hoài nhớ những gì tốt đẹp trong vốn văn hóa xưa chính là cách để họ tìm thấy sợi dây gắn kết mình với quê hương, với dân tộc” [5; tr.7]. Quả thế, giữa bối cảnh văn hóa mới xâm nhập vào nước ta, gây ra sự “khủng hoảng” cho văn hóa nước nhà; thì các tác giả trong văn học yêu nước ở thành thị miền Nam nói chung, trong thơ nói riêng, điểm lại những ký hiệu văn hóa là cách họ chữa lành văn hóa và chính mình để thoát khỏi tình trạng chán thương.

Nhìn chung, chán thương dân tộc trong thơ của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 không những phản ánh nỗi đau chiến tranh, sự chia cắt, sự “bất ổn” trong đời sống, xã hội, văn hóa; mà còn thể hiện tâm trạng giằng xé, khát vọng hòa bình và ý thức phản kháng mạnh mẽ của con người trước thực tại tàn khốc. Thơ ca trong phong trào đô thị miền Nam không đơn thuần là ghi lại, mô phỏng tình trạng chán thương lịch sử, chán thương văn hóa (gọi chung là chán thương dân tộc) mà còn phản ánh tâm thức chung của con người trong thời đại chiến tranh ác liệt.

4. Kết luận

Thơ ca của phong trào đô thị miền Nam 1954 - 1975 là một diễn ngôn nghệ thuật đặc biệt, nơi chán thương cá nhân và chán thương dân tộc giao thoa, phản ánh sâu sắc những bi kịch của con người và thời đại. Trong bối cảnh chiến tranh và chia cắt, thơ không chỉ là sự giải bày nỗi đau của cá nhân trước bạo lực, mất mát, mà còn

là tiếng nói chung của một dân tộc chịu tổn thương bởi xung đột ý thức hệ và bất ổn xã hội. Những biểu hiện của chấn thương trong thơ đô thị miền Nam không chỉ dừng lại ở sự than oán hay tuyệt vọng mà còn thể hiện ý thức phản kháng, khát vọng hòa bình và nỗ lực định vị lại bản sắc con người giữa biến động lịch sử. Thơ của phong trào đô thị miền Nam là một di sản nghệ thuật đặc sắc, được tạo nên từ những cách tân nghệ thuật táo bạo, hình thức thể hiện đa dạng và giọng điệu phong phú. Di sản thơ ca này không chỉ có giá trị thẩm mỹ vượt thời gian mà còn mang một tầm vóc quan trọng hơn: nó là một tư liệu quý giá góp phần đắc lực vào việc nghiên cứu và lý giải tâm thức thời đại. Qua từng câu chữ, độc giả có thể cảm nhận được những chấn động, giằng xé, hoài nghi và cả những hy vọng le lói của một thế hệ bị cuốn vào vòng xoáy chiến tranh. Hơn nữa, thơ đô thị miền Nam còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những ảnh hưởng dài lâu của chiến tranh lên ký ức cá nhân - những vết sẹo không thể xóa nhòa trong tâm hồn mỗi con người cũng như ký ức cộng đồng dân tộc, định hình nên bản sắc và nhận thức của nhiều thế hệ

sau. Có thể nói, thơ đô thị miền Nam là một minh chứng sống động cho thấy nghệ thuật có thể trở thành một kênh dẫn mạnh mẽ để đối diện với lịch sử, hàn gắn những vết thương và truyền tải thông điệp nhân văn về giá trị của hòa bình và sự sống.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cathy, C. (2013). *Unclaimed experience: trauma, narrative, history*, Baltimore & London: The John Hopkins University Press.
- [2] Cathy, C. (2020). *Vết thương và giọng nói*. Truy cập ngày 01/07/2025 <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAn-c%E1%BB%A9u/L%C3%BD-lu%E1%BA%ADn-v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc/p/vet-thuong-va-giong-noi-1032>
- [3] Nhiều tác giả. (2005). *Viết trên đường tranh đấu*. Huế, Việt Nam: Nxb Thuận Hóa.
- [4] Karen, L.T. (2015). *Lý thuyết chấn thương, Lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu văn học*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Khoa học xã hội.
- [5] Thảo, B.T. (2013). “Ý thức về thân phận văn hóa trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 - 1975”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, số 29, 6 - 13.
- [6] Trang, N.T.T. (2015). *Văn xuôi đô thị miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 nhìn từ các giá trị văn hóa truyền thống*. TP.HCM, Việt Nam: Nxb Đại học Quốc gia.